Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9018.11.00

Mã HS	9018.11.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị điện chẩn đoán (kể cả thiết bị kiểm tra thăm dò chức năng hoặc kiểm tra thông số sinh lý): / - - Thiết bị điện tim
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	12/11/2026 10:46:34
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90181100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18073
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18073
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18073
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17387
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17316
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17316
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17316
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17316
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17316
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17316
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17372
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17372
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17372
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17372

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17372
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17372
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17373
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17373
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17373
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17373
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17373
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17373
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17378
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17334
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17330
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17330
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17330
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17330
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17330
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17330
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17376
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17376
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17376
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17376
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17376
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17376
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17438
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17438
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17438
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17438

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17438
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17438
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17414
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17414
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17414
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17414
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17414
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17414
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17409
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17409
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17409
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17409
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17409
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17409
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17439
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17439
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17439
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17439
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17439
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17439
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17438
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17438
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17438
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17438
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17438
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17438

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17532
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17532
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17532
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17532
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17532
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17532
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17532
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17401
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17401
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17401
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17401
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17401
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17401
RCEP B	2022	2022	0	B!D17401
RCEP B	2023	2023	0	B!E17401
RCEP B	2024	2024	0	B!F17401
RCEP B	2025	2025	0	B!G17401
RCEP B	2026	2026	0	B!H17401
RCEP B	2027	2027	0	B!I17401
RCEP C	2022	2022	0	C!D17399
RCEP C	2023	2023	0	C!E17399
RCEP C	2024	2024	0	C!F17399
RCEP C	2025	2025	0	C!G17399
RCEP C	2026	2026	0	C!H17399
RCEP C	2027	2027	0	C!I17399
RCEP D	2022	2022	0	D!D17398

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17398
RCEP D	2024	2024	0	D!F17398
RCEP D	2025	2025	0	D!G17398
RCEP D	2026	2026	0	D!H17398
RCEP D	2027	2027	0	D!I17398
RCEP E	2022	2022	0	E!D17402
RCEP E	2023	2023	0	E!E17402
RCEP E	2024	2024	0	E!F17402
RCEP E	2025	2025	0	E!G17402
RCEP E	2026	2026	0	E!H17402
RCEP E	2027	2027	0	E!I17402
RCEP F	2022	2022	0	F!D17401
RCEP F	2023	2023	0	F!E17401
RCEP F	2024	2024	0	F!F17401
RCEP F	2025	2025	0	F!G17401
RCEP F	2026	2026	0	F!H17401
RCEP F	2027	2027	0	F!I17401
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16315
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16315
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16315
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16315

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9018.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9018.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18073), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.